

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HS-PT

Ngày: 05-02-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Phong

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Loan

Ông Nguyễn Văn Khương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải - Thư Ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 01 và 05 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 103/2017/HSPT ngày 05 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Hữu D.

Do có kháng cáo của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tiêu Thị H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2017/HSST ngày 10/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Bị cáo bị kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Hữu D**, sinh năm: 1972 tại Tiền Giang;

Nơi cư trú tại ấp Tân T, xã Tân H, huyện Châu Th, tỉnh TG; chỗ ở tại ấp Tân T, xã Xuân H, huyện Xuân L, tỉnh Đ N; nghề nghiệp làm thuê; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc kinh; tôn giáo công giáo; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Tư, sinh năm 1948 và bà Ngô Thị C, sinh năm 1954; bị cáo có vợ là bà Trần Thị H, sinh năm 1978 và có 02 người con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2000;

Tiền án, tiền sự không; bị cáo được tại ngoại (có mặt).

Những người tham gia tố tụng có kháng cáo và liên quan đến kháng cáo:

Người bị hại: Cháu **Nguyễn Thị Trường V**, sinh năm 2003,

Người đại diện hợp pháp của cháu V là ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1978 (có mặt),

Cùng trú tại tổ 1, khu phố Trung L, thị trấn Chơn Th, huyện Chơn Th, tỉnh BP.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Tiêu Thị H**, sinh năm 1973 (có mặt),

Cư trú tại tổ 7, ấp 8, xã XT, huyện CM, tỉnh Đ N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 15 tháng 12 năm 2015, Nguyễn Hữu D điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 60C-210.85 (giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 030002 mang tên bà Tiêu Thị H) lưu thông hướng Hớn Quản đi Chơn Thành. Khi đến Km 70 + 200 mét đường Quốc lộ 13, thuộc tổ 1, khu phố 3, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước do thiếu chú ý quan sát nên D đã tông vào phía sau xe đạp điện do Nguyễn Thị Trường V đang lưu thông cùng chiều. Hậu quả V ngã xuống đường, bị thương nặng đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Chợ Rẫy. Còn xe đạp điện của V bị hư hỏng nặng.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông xảy ra ngày 15 tháng 12 năm 2015 xác định: Hiện trường nơi xảy ra tai nạn là đoạn đường thẳng, hai bên đường không có cọc tiêu, biển báo, mặt đường nhựa bằng phẳng rộng 16,80 mét; Giữa đường có hai vạch kẻ màu vàng dài liên tục với nhau để chia thành hai chiều xe chạy riêng biệt (không có vạch phân chia làn đường). Hai bên đường không có cọc tiêu, biển báo hiệu, tầm nhìn không bị che khuất.

Các dấu vết để lại tại hiện trường nằm trên phần đường bên phải hướng huyện Hớn Quản đi Chơn Thành.

Chọn mép lề đường bên phải hướng huyện Hớn Quản đi Chơn Thành làm lề chuẩn để đo đạc các dấu vết.

Vị trí 1: Xe gắn máy để lại trên mặt đường một vết cày không liên tục dài 11,60 mét, có chiều hướng Hớn Quản đi Chơn Thành. Điểm đầu vết cày nằm trên mặt đường bê tông nhựa, cách mép lề chuẩn 0,40 mét. Điểm cuối vết cày trùng với đầu chân bàn đạp bên phải của xe máy điện.

Vị trí 2: Vết hằn lốp xe ô tô biển số 60C-210.85 để lại trên nền bê tông xây trong lề đường bên phải, có chiều dài 2m10, chiều rộng 5,2 cm. Điểm đầu vết hằn cách mép lề đường chuẩn 1m10, điểm cuối vết hằn cách lề đường chuẩn 1m05.

Vị trí 3: Xe gắn máy (không biển số) bị ngã về bên phải, nằm trong lề đường phải hướng huyện Hớn Quản đi Chơn Thành. Đầu xe quay hướng Hớn Quản, đuôi xe quay hướng Chơn Thành. Tâm trục sau cách mép lề chuẩn 0,80 mét và cách vật

chuẩn 36,52 mét, tâm trục trước cách mép lề chuẩn 1,50 mét và đầu chân bàn đạp bên phải cách mép lề chuẩn 1,25 mét.

Vị trí 4: Chọn cột điện trung thế số 102 trong lề đường trái hướng huyện Hón Quán đi Chơn Thành cách mép lề chuẩn 5,80 mét, làm mốc chuẩn.

Sau tai nạn giao thông các dấu vết tại hiện trường như sau:

Vị trí 5: Xe ô tô biển số 60C-210.85 dừng phần đường bên phải hướng huyện Hón Quán đi Chơn Thành. Đầu xe quay hướng Chơn Thành, đuôi xe quay hướng Hón Quán. Tâm trục thứ ba bên phải (trục sau cùng bên phải) nằm trong lề đường đất, cách mép lề chuẩn 0,50 mét, cách vật chuẩn 58,10 mét và cách tâm trục sau của xe gắn máy 93,50 mét, tâm trục giữa bên phải nằm trong lề đường đất, cách mép lề chuẩn 0,46 mét, tâm trục thứ nhất bên phải nằm trong lề đường đất, cách mép lề chuẩn 0,37 mét.

Ngoài ra tại hiện trường không phát hiện thêm dấu vết nào khác.

Kết quả đo nồng độ cồn qua hơi thở của Nguyễn Hữu D là 0,00 mg/l. Bị cáo không có sử dụng chất có nồng độ cồn.

Bị cáo có giấy phép lái xe hạng C, số AX 287222, do Sở giao thông vận tải tỉnh Bình Dương cấp ngày 21/09/2012.

Tại kết luận giám định pháp y số 113/2016/TgT, ngày 26/05/2016 của Trung tâm giám định Y khoa – Pháp y tỉnh Bình Phước kết luận: Nguyễn Thị Trường V tỷ lệ tổn thương do thương tích trên gây nên là 59%.

Về trách nhiệm dân sự: gia đình bị hại Nguyễn Thị Trường V yêu cầu bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bồi thường số tiền 176.665.373 đồng. Bị cáo bồi thường 84.000.000 đồng theo văn bản thỏa thuận về việc giải quyết tai nạn ngày 18/01/2017. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tiêu Thị H đã bồi thường 20.000.000 đồng theo Giấy nhận tiền ngày 16/12/2015 và ngày 21/12/2015.

Về vật chứng: 01 xe ô tô tải biển kiểm soát 60C-210.85, số máy 6HK1672866, số khung M34WF7000977FVM34W thu giữ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tiêu Thị H đã được Công an huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước trả lại cho bà Tiêu Thị H.

01 xe đạp điện màu cam đen nhãn hiệu ASAMA thu giữ là tài sản của người bị hại Nguyễn Thị Trường V cần trả lại cho cháu V.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 50/2017/HSST ngày 10/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành đã tuyên xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu D phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Áp dụng khoản 1 Điều 202, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 31 Bộ luật hình sự (BLHS) năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Nghị quyết số 41/2017/QH14 về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu D 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Xuân H, huyện Xuân L, tỉnh Đ N nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Xuân H, huyện Xuân L, tỉnh Đồng N giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 590, 601 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tiêu Thị H bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Trường V số tiền là 72.665.373 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, biện pháp đảm bảo thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 09/8/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tiêu Thị H có đơn kháng cáo yêu cầu làm rõ lại các khoản chi phí điều trị của người bị hại và xem xét toàn bộ nội dung buộc bà Tiêu Thị H bồi thường cho bị hại cháu Nguyễn Thị Trường V số tiền 92.665.373 đồng.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tiêu Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là trong hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa phát biểu: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14; Điều 251 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 tuyên bố Nguyễn Hữu D không phạm tội, hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2017/HSST ngày 10/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, đình chỉ vụ án về phần trách nhiệm hình sự.

Về phần trách nhiệm dân sự: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tiêu Thị H và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm về phần dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Khoảng 10 giờ ngày 15 tháng 12 năm 2015, bị cáo Nguyễn Hữu D điều khiển xe ô tô tải biển số 60C-210.85 theo hướng huyện Hớn Quản đi Chơn Thành trên đường Quốc lộ 13. Khi đi đến khu vực thuộc tổ 1, khu phố 3, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, bị cáo D thiếu chú ý, quan sát nên đã tông vào phía sau xe đạp điện do cháu Nguyễn Thị Trường V điều khiển đi cùng chiều làm cháu V ngã xuống đường bị thương nặng. Kết luận giám định Pháp y của Trung tâm giám định Y khoa – Pháp y tỉnh Bình Phước kết luận tỷ lệ tổn thương do thương tích trên gây nên là 59%. Hành vi của bị cáo Nguyễn Hữu D điều khiển xe ô tô tải biển số 60C-210.85 lưu thông không đúng làn đường quy định đã vi phạm khoản 1, Điều 9 Luật giao thông đường bộ gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe của người khác do đó bị cáo phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo khoản 1 Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[2] Tuy nhiên, Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi theo Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự 100/2015/QH13 có hiệu lực từ ngày 01/01/2018 quy định người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây tổn hại cho sức khỏe của một người với tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên mới phạm tội. Tại điểm b khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14 hướng dẫn các quy định có lợi cho người phạm tội mà đang trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử được áp dụng đối với tất cả các hành vi thực hiện trước ngày Bộ luật hình sự có hiệu lực. Vì vậy cần áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét trách nhiệm pháp lý của bị cáo. Theo đó, hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”, cần hủy Bản án sơ thẩm, tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu D không phạm tội và đình chỉ vụ án về phần trách nhiệm hình sự.

Do chuyển biến tình hình và chính sách nhân đạo của pháp luật hình sự mới nên trường hợp của bị cáo Nguyễn Hữu D không được bồi thường thiệt hại theo quy định.

[3] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tiêu Thị H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với kháng cáo yêu cầu làm rõ các khoản chi phí điều trị cho bị hại bao gồm các khoản cụ thể như sau:

Chi phí có hóa đơn, chứng từ hợp lệ bao gồm:

Chi phí khám chữa bệnh tại Bệnh viện Chợ Rẫy: 250.819.564 đồng; Chi phí khám chữa bệnh tại Bệnh viện Nhi Đồng I: 32.240.484 đồng; Chi phí khám chữa bệnh tại Bệnh viện Nhi Đồng II: 251.730 đồng. Như vậy tổng chi phí điều trị của bị hại có hóa đơn chứng từ là 283.311.779 đồng, trong đó bảo hiểm đã chi trả 185.446.495 đồng nên chi phí thực tế gia đình bị hại phải chịu là 97.865.284 đồng. Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định số tiền 97.865.284 đồng là khoản chi phí hợp lý mà người Đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bồi thường là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngoài việc xem xét các khoản chi phí có hóa đơn, chứng từ nêu trên thì Tòa án cấp sơ thẩm còn xem xét chấp nhận toàn bộ các khoản chi phí không có hóa đơn, chứng từ mà người Đại diện hợp pháp của bị hại ông Nguyễn Văn T yêu cầu bồi thường là không chính xác nên Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại các khoản chi phí bồi thường này theo đúng quy định của pháp luật như sau:

Chi phí không có hóa đơn, chứng từ bao gồm:

Thứ 1: Chi phí đi lại gồm: thuê xe cấp cứu nhập viện tại Bệnh viện đa khoa huyện Chơn Thành là 200.000 đồng. Thuê xe chuyển viện từ Bệnh viện Chơn Thành đến Bệnh viện Chợ Rẫy và từ Bệnh viện Chợ Rẫy đến Bệnh viện Nhi Đồng I là 3.000.000 đồng. Tiền thuê xe người nhà đi lại Bệnh viện và đưa cháu đi tái khám là 5.500.000 đồng. Tổng cộng 8.700.000 đồng. Xét thấy đây là các khoản chi phí tuy không có hóa đơn nhưng là các khoản chi phí cần thiết và hợp lý nên được chấp nhận.

Thứ 2: Chi phí ăn uống trong Bệnh viện từ ngày nhập viện là 15/12/2015 đến ngày 29/02/2016 (tổng cộng 75 ngày) của bị hại gồm tiền ăn uống của bệnh nhân gồm sữa đặc trị mua theo hũ, tiền ăn, tiền cháo, yến là 21.500.000 đồng. Xét thấy mức ăn bình thường của bệnh nhân trung bình trong 01 ngày phù hợp với tình hình thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật là 150.000 đồng/ngày. Tuy nhiên người Đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Văn T kê khai ra các khoản chi phí như tiền sữa đặc trị mua theo hũ, tiền cháo, yến là các khoản chi phí ngoài tiền ăn nhưng không có sự chỉ định của bác sỹ là không phù hợp nên không được chấp nhận. Do đó tiền ăn được tính cho bệnh nhân là 11.250.000 đồng (150.000 đồng x 75 ngày), nên yêu cầu này của người Đại diện hợp pháp của bị hại ông Nguyễn Văn T được chấp nhận một phần.

Đối với tiền ăn của người chăm sóc bệnh nhân đã được tính vào tiền trả công cho người được thuê. Do đó người Đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Văn T yêu cầu tính chi phí tiền ăn cho người chăm sóc với số tiền 11.250.000 đồng là không hợp lý nên không được chấp nhận.

Thứ 3: Chi phí vệ sinh cá nhân gồm: dầu kem thoa, kem se, thuốc sát khuẩn mua ngoài giá 4.000.000 đồng. Xét đây là các khoản chi phí không có sự chỉ định của bác sỹ nên không được chấp nhận.

Thứ 4: Tiền thuê người chăm sóc là 18.750.000 đồng. Xét thấy mức tiền công trung bình trả cho người người chăm sóc tại địa phương trung bình mỗi tháng/người là 6.000.000 đồng nên chi phí tiền thuê người chăm sóc từ ngày nhập viện là 15/12/2015 đến ngày 29/02/2016 (tổng cộng 75 ngày) của bị hại là 15.000.000 đồng là phù hợp nên yêu cầu này của người Đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Văn T được chấp nhận một phần.

Thứ 5: Cháu V đang đi học và đã đóng các khoản chi phí từ đầu năm học nên khi nghỉ học thì bị gián đoạn việc học và tổn thất khi phải học lại lớp 7 là 15.000.000 đồng. Theo lời khai của người Đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Văn T thì chi phí của cháu V gồm: tiền học phí là 4.000.000 đồng và tiền chi phí ăn uống, đi lại trong 01 năm là 11.000.000 đồng. Xét thấy việc cháu V học lại với chi phí 4.000.000 đồng là hợp lý nên được chấp nhận, còn chi phí ăn uống, đi lại 11.000.000 đồng là không hợp lý nên không được chấp nhận.

Thứ 6: Chi phí hao tổn do xe đạp điện bị hư hỏng là 7.600.000 đồng. Theo lời khai của người Đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Văn T thì chiếc xe được mua từ năm 2014 với giá 7.600.000 đồng, do xe đã sử dụng 2 năm nên khấu trừ 20 % giá trị tiêu hao do sử dụng nên xe còn giá trị 6.080.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên yêu cầu này của người Đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Văn T được chấp nhận một phần.

Thứ 7: Chi phí giám định pháp y, y chứng hồ sơ 1.000.000 đồng. Xét thấy đây là các khoản tuy không có hóa đơn nhưng là các khoản chi phí hợp lý nên được chấp nhận.

Như vậy, các khoản chi phí không có hóa đơn mà người Đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu được Hội đồng xét xử chấp nhận là các khoản chi phí hợp lý theo quy định tại Điều 590 Bộ luật dân sự 2015 và phù hợp với quy định của Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 hướng dẫn áp dụng một số quy định về bồi thường thiệt hại, cụ thể là:

Chi phí đi lại: 8.700.000 đồng;

Chi phí tiền ăn được tính cho bệnh nhân là 11.250.000 đồng.

Chi phí tiền thuê người chăm sóc là 15.000.000 đồng.

Chi phí việc cháu V học lại với chi phí 4.000.000 đồng.

Chi phí hao tổn do xe đạp điện bị hư hỏng là 6.080.000 đồng.

Chi phí giám định pháp y, y chứng hồ sơ 1.000.000 đồng

Tổng các khoản chi phí không có hóa đơn được chấp nhận là 46.030.000 đồng.

Đối với kháng cáo về việc xem xét nội dung buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tiêu Thị H bồi thường cho bị hại cháu Nguyễn Thị Trường V số tiền 92.665.373 đồng. Xét trong vụ án này bị cáo Nguyễn Hữu D được bà Tiêu Thị H thuê lái xe ô tô và được trả tiền công, như vậy tại thời điểm gây ra tai nạn bị cáo Nguyễn Hữu D không phải là người chiếm hữu, sử dụng xe ô tô đó mà bà Tiêu Thị H là người chiếm hữu, sử dụng. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 hướng dẫn áp dụng một số quy định về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và quy định tại Điều 601 Bộ luật dân sự 2015 thì chủ sở hữu, người chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ phải bồi thường thiệt hại cả khi không có lỗi. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tiêu Thị H phải bồi thường cho bị hại số tiền 92.665.373 đồng là không phù hợp, bởi lẽ: tổng chi phí điều trị của bị hại có hóa đơn mà thực tế gia đình bị hại phải chịu là 97.865.284 đồng và chi phí không có hóa đơn phù hợp với quy định của pháp luật mà gia đình bị hại yêu cầu được chấp nhận là 46.030.000 đồng. Vì vậy theo quy định của pháp luật tại Điều 590; Điều 601 của Bộ luật dân sự năm 2015 cần buộc bị cáo Nguyễn Hữu D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tiêu Thị H phải bồi thường tổng số tiền 143.895.284 đồng cho bị hại (trong đó bao gồm 97.865.284 đồng tiền chi phí điều trị của bị hại có hóa đơn và 46.030.000 đồng tiền chi phí điều trị của bị hại không có hóa đơn), nên mỗi người phải chịu là 71.947.642 đồng, do bà H đã bồi thường 20.000.000 đồng nên cần buộc bà H phải bồi thường tiếp số tiền là 51.947.642 đồng cho bị hại cháu Nguyễn Thị Trường V là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó kháng cáo về phần này của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được chấp nhận một phần.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa đề nghị về phần hình phạt là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận, còn đề nghị giữ nguyên phần trách nhiệm dân sự là không phù hợp nên không được chấp nhận.

Án phí hình sự phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tiêu Thị H không phải chịu. Án phí dân sự sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tiêu Thị H phải chịu theo quy định pháp luật.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo về việc xem xét lại toàn bộ nội dung phần trách nhiệm dân sự của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tiêu Thị H.

Sửa phần trách nhiệm dân sự trong Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2017/HSST ngày 10/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành.

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 590; Điều 601 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 08/7/2006.

Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tiêu Thị H phải tiếp tục bồi thường cho bị hại cháu Nguyễn Thị Trường V số tiền 51.947.642 đồng (*năm mươi mốt triệu chín trăm bốn bảy ngàn sáu trăm bốn hai đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Áp dụng điểm b khoản 1, điểm d, i khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH 14 ngày 20/06/2017 của Quốc hội; khoản 2 Điều 157, khoản 1 Điều 359 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số: 50/2017/HSST ngày 10/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước về phần trách nhiệm hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu D không phạm tội: “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Đình chỉ vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 103/2017/HSPT, ngày 05/10/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đối với bị cáo Nguyễn Hữu D về phần trách nhiệm hình sự.

Việc đình chỉ vụ án là do chính sách hình sự nhân đạo mới của nhà nước nên bị cáo không có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định của Luật trách nhiệm bồi thường nhà nước.

Căn cứ điểm g khoản 2 của Công văn số 256/TANDTC-PC ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân tối cao về việc thi hành khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 của Quốc Hội.

Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án về Công an huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước và đề nghị người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 63 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Án phí dân sự sơ thẩm: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tiêu Thị H phải chịu 2.597.382 đồng.

Án phí hình sự phúc thẩm bà Tiêu Thị H không phải chịu.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- PV 27 CA tỉnh Bình Phước;
- TAND, VKSND huyện Chơn Thành
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành
- Công an huyện Chơn Thành;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Tổ nghiệp vụ; Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Viết Phong (đã ký)